

*Bảo Lộc, ngày 12 tháng 10 năm 2022*

## **KẾ HOẠCH**

### ***Thực hiện quy định về 03 công khai trong hoạt động của cơ quan đơn vị Năm học 2022 – 2023***

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2188/QĐ - UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2021 – 2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ văn bản 1830/SGDĐT- GDTrH của SGD&ĐT Lâm Đồng ngày 06 tháng 9 năm 2022 V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022 – 2023;

Thực hiện văn bản 379/PGD&ĐT- THCS của PGD&ĐT Bảo Lộc ngày 16 tháng 9 năm 2022 V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cơ sở năm học 2022 – 2023;

Trường THCS Lộc Sơn xây dựng kế hoạch thực hiện quy định về công khai minh bạch trong hoạt động của đơn vị năm học 2022 – 2023 như sau:

#### **I- MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:**

##### **1/- Mục đích:**

Nhằm thực hiện tốt việc công khai minh bạch các hoạt động của nhà trường.

Chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót, hạn chế. Đồng thời thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí trong nhà trường.

Thực hiện tính minh bạch, phát huy tinh thần dân chủ, tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong công tác quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục.

##### **2/- Yêu cầu:**

Thực hiện đầy đủ nội dung, hình thức công khai theo Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống GD quốc dân của Bộ GD&ĐT (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Luật phòng chống tham nhũng.

Công khai minh bạch phù hợp với quy định tại điều 12 Luật PCTN và thời điểm công khai được quy định tại 36/2017/TT-BGDĐT.

#### **II. Kiện toàn ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai:**

Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai gồm 4 đ/c:

- Đ/c Nguyễn Thị Thu Hà - Hiệu trưởng - Trưởng ban;
- Đ/c Nguyễn Hữu Hiếu - Phó hiệu trưởng - Phó ban;
- Đ/c Phan Xuân Thành - Chủ tịch công đoàn - Ủy viên;
- Đ/c Trần Thị Hòa - Nhân viên kế toán - Ủy viên;

- Đ/c Đậu Thế Tài - Trưởng ban thanh tra nhân dân - Ủy viên.

Ban chỉ đạo căn cứ vào Quy chế công khai ban hành theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo để lập kế hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng các quy định trong quy chế.

### **III- NỘI DUNG, HÌNH THỨC CÔNG KHAI:**

#### **1- Nội dung công khai:**

##### ***1.1- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:***

a) Cam kết chất lượng giáo dục (thực hiện theo Biểu mẫu 09): Điều kiện về đối tượng tuyển sinh theo hướng dẫn của phòng GDĐT, nội dung chương trình, sách giáo khoa và các hoạt động giáo dục khác được Bộ GD&ĐT ban hành, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý; chỉ tiêu về chất lượng đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh trong năm học.

b) Chất lượng giáo dục thực tế (Theo Biểu mẫu 10): Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm, số HS giỏi, số HS được lên lớp thẳng số HS ở lại lớp...; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi các cấp..., số học sinh được công nhận Tốt nghiệp THCS, số học sinh lên lớp, theo các khối lớp.

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian:

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch duy trì và nâng mức các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn về chất lượng giáo dục.

##### ***1.2- Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.***

a) Cơ sở vật chất (thực hiện theo Biểu mẫu 11): Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp cụ thể:

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: (thực hiện theo Biểu mẫu 12).

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo.

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

##### ***1.3- Công khai thu chi tài chính:***

a.) Tình hình tài chính của nhà trường:

- Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT. Cụ thể:

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính; Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

- Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

b) Xây dựng KH chi tiêu nội bộ các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Mức thu HP và các khoản thu khác theo từng năm học và chế độ miễn giảm.

#### **\* Học phí**

Năm học 2022 – 2023: Tạm thời chưa thu học phí. Khi nào có hướng dẫn cụ thể của cấp trên sẽ thu bằng hình thức chuyển khoản (số tài khoản nhà trường sẽ thông báo sau khi có hướng dẫn thu)

#### **- Đối tượng học sinh được hỗ trợ chi phí học tập (mức hỗ trợ 100.000đ/ tháng)**

Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

\* **BHYT**: Thực hiện theo hướng dẫn số 155/BHXH ngày 09/09/2022 V/v hướng dẫn thu BHYT học sinh, sinh viên NH 2022-2023 với số tiền 46.935 đồng/1 tháng. 12 tháng là 563.220 đồng

Triển khai thực hiện: Thời điểm tổ chức thu là tháng 11; 12/2022; thời gian đóng là 12 tháng từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 (Bảo hiểm bắt buộc).

\* **Phí gửi xe đạp**: Thực hiện theo quyết định số 64/2016/QĐ – UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng quy định HS đi xe đạp đóng 15.000đ/ tháng/xe.

\* **Quỹ hoạt động Hội CMHS**: Thực hiện theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 và các khoản khác thực hiện theo công văn 1797/SGDĐT- KHTC ngày 30/08/2022 của SGD&ĐT Lâm Đồng và công văn 376/PGDĐT&ĐT ngày 13/09/2022 của PGD - ĐT Bảo Lộc về việc hướng dẫn triển khai thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2022 – 2023.

## **2. Hình thức và thời điểm công khai:**

**2.1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 5 của thông tư 36/2017/TT-BGDĐT** ngày 28 tháng 12 năm 2017:

Công khai vào tháng 6 hàng năm và cập nhật vào đầu năm học, công khai kế hoạch tại các cuộc họp, hội nghị CBCC đầu năm, sơ kết trước ngày 10/01 hàng năm, tổng kết trước ngày 31/5 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường soạn thảo hướng dẫn của các cấp đề GVCN, BDD cha mẹ học sinh từng lớp phổ biến rộng rãi đến từng CMHS nắm rõ và phối hợp thực hiện tại phiên họp CMHS các lớp, thảo luận, đóng góp ý kiến.

Thông qua KH dự kiến chi theo yêu cầu trong năm học, lập thư ngỏ đề vận động CMHS ủng hộ.

Niêm yết công khai tại bảng TB nhà trường và phòng HĐ đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh, CB-GV-CNV nhà trường được nắm rõ.

Báo cáo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có yêu cầu.

**2.2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 của Quy chế, nhà trường thực hiện công khai như sau:**

Đối với học sinh tuyển mới: Căn cứ vào văn bản hướng dẫn chỉ tiêu, địa bàn được duyệt hàng năm thông báo trên các phương tiện thông tin của phường và các trường tiểu học có liên quan trước khi thực hiện tuyển sinh, duyệt tuyển sinh.

Đối với học sinh đang học: Thông tin về chất lượng giáo dục định kỳ của học sinh thông qua sổ liên lạc điện tử, họp CMHS sau sơ kết HK và tổng kết năm học. Họp CMHS các lớp thông báo kết quả vào cuối năm học.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Đ/c Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định theo quy chế và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Chỉ đạo cho các đối tượng thuộc diện phải kê khai minh bạch tài sản thực hiện kê khai đúng quy định. Tổ chức công khai minh bạch tài sản tại đơn vị và nộp kết quả kê khai đúng quy định.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học hiện tại và kế hoạch triển khai của năm học tiếp theo.

Đ/c Phó Hiệu trưởng: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; chịu trách nhiệm về đưa thông tin lên trang website của trường. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục. Chuẩn bị các nội dung công khai liên quan báo cáo Hiệu trưởng.

Đ/c kế toán chịu trách nhiệm nội dung 3: Công khai thu chi tài chính. Chuẩn bị các nội dung công khai có liên quan báo cáo đ/c Hiệu trưởng.

Trên đây là kế hoạch thực hiện ba công khai năm học 2022 – 2023 của Trường Trung học cơ sở Lộc Sơn. Yêu cầu các đ/c trong ban chỉ đạo và toàn thể cán bộ, GV nhà trường thực hiện nghiêm túc, báo cáo kịp thời, đúng quy định theo kế hoạch đề ra./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- Trang thông tin trường;
- Công khai Phòng giáo viên;

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

- Bảng tin;
- Lưu VT.

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**Biểu mẫu 09**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND TP. BẢO LỘC  
TRƯỜNG THCS LỘC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Lộc Sơn**  
**Năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành chương trình tiểu học. Có đầy đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ	Hoàn thành chương trình lớp 6	Hoàn thành chương trình lớp 7	Hoàn thành chương trình lớp 8
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục bậc THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (GDPT 2018)	Chương trình giáo dục bậc THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (GDPT 2018)	Chương trình giáo dục bậc THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (chương trình hiện hành)	Chương trình giáo dục bậc THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (chương trình hiện hành)
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.  Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với CMHS: Qua Sổ Liên lạc, Sổ Chủ nhiệm, tin nhắn điện tử, gặp trực tiếp.  - Học tập nghiêm túc, tích cực, sáng tạo, phát huy năng lực, phẩm chất HS	Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với CMHS: Qua Sổ Liên lạc, Sổ Chủ nhiệm, tin nhắn điện tử, gặp trực tiếp.  - Học tập nghiêm túc, tích cực, sáng tạo, phát huy năng lực, phẩm chất HS	Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với CMHS: + Qua Sổ Liên lạc, Sổ Chủ nhiệm, tin nhắn điện tử, gặp trực tiếp.  - Học tập nghiêm túc, tích cực, sáng tạo, phát huy năng lực, phẩm chất HS	- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với CMHS: Qua Sổ Liên lạc, Sổ Chủ nhiệm, tin nhắn điện tử, gặp trực tiếp.  - Học tập nghiêm túc, tích cực, sáng tạo, phát huy năng lực, phẩm chất HS
IV		Tổ chức hoạt động NGLL, sinh hoạt	Tổ chức hoạt động NGLL, sinh hoạt	Tổ chức hoạt động NGLL, sinh hoạt	Tổ chức hoạt động NGLL, sinh hoạt

	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đoàn, Đội và các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trải nghiệm sáng tạo ...	Đoàn, Đội và các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trải nghiệm sáng tạo ...	Đoàn, Đội và các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... NGLL thống nhất vào tuần 1 và 2 hàng tháng	Đoàn, Đội và các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... NGLL thống nhất vào tuần 1 và 2 hàng tháng
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Đánh giá rèn luyện: khá, tốt 99,8% - Học lực từ đạt trở lên 97,5%. - Sức khỏe: tốt	- Đánh giá rèn luyện: khá, tốt 99,8% - Học lực từ đạt trở lên 97,5% - Sức khỏe: tốt	- Hạnh kiểm khá tốt từ 99,8% - Học lực từ TB trở lên 97,5%. - Sức khỏe: tốt	- Hạnh kiểm khá tốt từ 99,8% - Học lực từ TB trở lên 97,5%. Sức khỏe: tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tiếp tục học lên lớp 7	Tiếp tục học lên lớp 8	Tiếp tục học lên lớp 9	Tiếp tục học lên lớp 10

Bảo Lộc, ngày 12 tháng 10 năm 2022

**Thủ trưởng đơn vị**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**Biểu mẫu 10**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT TP BẢO LỘC  
TRƯỜNG THCS LỘC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Lộc Sơn  
Năm học 2021 – 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>1080</b>	<b>243</b>	<b>296</b>	<b>279</b>	<b>262</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	949 87.87%	205 84.36%	261 88.18%	246 88.17%	237 90.46%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	131 12.13%	38 15.64%	35 11.82%	33 11.83%	25 9.54%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1080</b>	<b>243</b>	<b>296</b>	<b>279</b>	<b>262</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	433 40.09%	79 32.51%	111 37.50%	109 39.07%	134 51.15%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	311 28.8%	70 28.81%	90 30.41%	80 28.67%	71 27.10%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	278 25.74%	73 30.04%	72 24.32%	76 27.24%	57 21.76%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	58 5.37%	21 8.64%	23 7.77%	14 5.02%	0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1080</b>	<b>243</b>	<b>296</b>	<b>279</b>	<b>262</b>
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	1022 94.63 %	222 91.36%	273 92.23%	265 94.98%	262 100%
a	HS xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)		32 13.17%	0	0	0
b	HS giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	401 37.13%	47 19.34%	111 37.50%	109 39.07%	134 51.15%
c	HS TT (tỷ lệ so với tổng số khối 7;8;9)	241 28.79%	0	90 30.41%	80 28.67%	71 27.10%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	58 5.37%	21 8.64%	23 7.77%	14 5.02%	0
3	Lưu ban tính cả sau thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.7%	0,5%	1.4%	0%	0



4	Lên lớp sau thi lại	99,63%	100%	98.98%	99.64%	0
5	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12/23	3/3	4/7	3/8	2/5
6	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.44%	0 %	0.68%	0.36%	0%
<b>IV</b>	<b>Số HS đạt giải các kỳ thi HSG</b>	51				51
1	Cấp huyện/thành phố	36				36
2	Cấp tỉnh/thành phố	15				15
3	Thi KHKT + Cấp Tp  + Cấp Tỉnh	01 giải nhất; 01 KK; 01 giải ba 1 giải ba			01	02   01
<b>V</b>	<b>Số HS dự xét hoặc dự thi TN</b>	262				262
<b>VI</b>	<b>Số HS được công nhận TN</b>	262/262				262/262
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	51.15%				51.15%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	27. 1%				27. 1%
3	TB (tỷ lệ so với tổng số)	21.75%				21.75%
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)</b>	0	0	0	0	0
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số HS nữ</b>	535/545	132/111	148/148	133/146	122/140
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	23	5	9	6	3

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH****Năm học: 2022 - 2023****Công tác phát triển số lượng và phổ cập giáo dục trung học cơ sở:**

Tỷ lệ tuyển sinh đầu cấp: 100% (296 HS)

Duy trì sĩ số: 99 trở lên % Chuyên cần: 99,6%

Học sinh bỏ học: dưới 1%

**Công tác giáo dục hạnh kiểm**

Loại Tốt, khá: 99,8 % (Tốt 85 % ( 949 HS), Khá 8.82% (165HS), Tb 0,2 % (2HS), không có học sinh xếp đạo đức yếu.

**Công tác giáo dục văn hóa – khoa học:****Chất lượng bộ môn:**

Môn	Trên TB	Kém	Trên TB	Kém	Trên TB	Yếu - Kém	Trên TB	Yếu-Kém	Trên TB	Yếu-Kém	Ghi chú
Năm học	2018 – 2019		2019 – 2020		2020 - 2021		2021 - 2022		2022 - 2023		
<b>Toán</b>	95,27	0	90	2	88.4%	11.6%	86.3%	13.7%			
<b>Vật lí</b>	97,68	0	94	2	94.5%	5.5%	91.3%	8.7 %			
<b>Công nghệ</b>	99,42	0	98	0	99.7%	0.3%	99.4%	0.6 %			
<b>Ngữ Văn</b>	97.5	0,1	90	2	95.7%	4.3%	93.4%	6.6 %			
<b>Lịch Sử</b>	99,4	0	98	0	98.2%	1.8%	98.8%	1.2 %			
<b>Công Dân</b>	100	0	98	0	99.5%	0.5%	99.6%	0,4 %			
<b>Hóa</b>	96,5	0	90	2	89.4%	10.6%	86.2%	13.8%			
<b>Địa Lí</b>	97,9	0,19	95	0	98.2%	1.8%	96.2%	3.8%			
<b>Sinh Học</b>	99,5	0,0	95	0	98,3%	1.7%	97.4 %	2.6%			
<b>Tiếng Anh</b>	95,7	0	90	3	88.5%	11.5%	84.4%	15.6%			
<b>Âm Nhạc</b>	100	0	100	0	100%	0	100%	0%			
<b>Mĩ Thuật</b>	100	0	100	0	100%	0	100%	0%			
<b>Thể Dục</b>	100	0	100	0	100%	0	100%	0%			
<b>Tin Học</b>	99,42	0	98	0	99.7%	0.3%	99.9%	0.1%			
<b>KHTN</b>							91.1%	8.9%			
<b>KHXH</b>							99.2%	0.3%			

**1/ Chất lượng đại trà:**

- Khối 8;9:

Học sinh giỏi toàn diện: 35%

Học sinh tiên tiến: 40%

Học sinh Trung bình: 22,5%

Học sinh yếu: 2,5%

- Khối 6;7

Học sinh có kết quả học tập tốt: 32%

Học sinh có kết quả học tập khá: 26%

Học sinh có kết quả học tập đạt: 39,5%

Học sinh có kết quả học tập chưa đạt: 2,5%

Lên lớp thẳng L 95%.

Lên lớp sau thi lại 99%.

Tốt nghiệp THCS 99.3%.

**2/ Chất lượng mũi nhọn:**

Học sinh giỏi cấp Thành phố: 20 học sinh trở lên

Học sinh giỏi cấp Tỉnh: 10 học sinh trở lên

Tham gia đầy đủ các cuộc thi do các cấp tổ chức và có giải.

**3/ Đội ngũ:**

95% giáo viên được xếp loại tay nghề từ khá trở lên.

Các hoạt động chuyên môn nâng cao chất lượng giảng dạy gồm các chỉ tiêu sau:

Chuyên đề: 03 chuyên đề/năm.

Ngoại khóa: 01/ tổ/năm.

**4/ Các chỉ tiêu thi đua của tập thể & cá nhân năm học: 2022 – 2023:****Cá nhân:**

Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 8

Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh: 02

Lao động tiên tiến: 42

Có giấy khen của Chủ tịch UBND Thành phố, UBND Tỉnh

**Tập thể:**

Công đoàn cơ sở vững mạnh.

Chi Đoàn TN vững mạnh.

Liên đội mạnh cấp tỉnh.

Thư viện tiên tiến

Chi hội chữ thập đỏ: tiên tiến

**Tập thể lao động xuất sắc, cờ thi đua, bằng khen của Tỉnh**

*Bảo Lộc, ngày 12 tháng 10 năm 2022*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**Biểu mẫu 11**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT TP BẢO LỘC  
TRƯỜNG THCS LỘC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Lộc Sơn  
Năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	24	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	24	1.07
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	6	1,55
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	1	1.07
8	Bình quân học sinh/lớp	47HS/lớp	1.07
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	14.187	13.28
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	6000	5.6
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	1623.36	1.52
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	48	1.07
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	50	1.12
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	50	1.12
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	100	1.66
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn, Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	32	1.33
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	56	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	3	6 lớp
1.2	Khối lớp 7	3	5 lớp
1.3	Khối lớp 8	4	7 lớp
1.4	Khối lớp 9	4	6 lớp

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	50	
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		
1	Ti vi	24	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	
5	Thiết bị khác...	1	

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		
1	Ti vi	24	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	
5	Thiết bị khác...	1	

	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng (m<sup>2</sup>)</b>
<b>X</b>	Nhà bếp	0
<b>XI</b>	Nhà ăn	0

	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng phòng tổng diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Số chỗ</b>	<b>Diện tích bình quân/chỗ</b>		
<b>XII</b>	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0		
<b>XIII</b>	Khu nội trú	0	0	0		
<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	<b>Dùng cho giáo viên</b>	<b>Dùng cho học sinh</b>		<b>Số m<sup>2</sup>/học sinh</b>	
			<b>Chung</b>	<b>Nam/Nữ</b>	<b>Chung</b>	<b>Nam/Nữ</b>
<b>XV</b>	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	1	0	0
<b>XVI</b>	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0	0

	<b>Nội dung</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>
<b>XVII</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	X	0

<b>XVIII</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	X	0
<b>XIX</b>	<b>Kết nối internet (ADSL)</b>	X	0
<b>XX</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	x	0
<b>XXI</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	0

*Bảo Lộc, ngày 12 tháng 10 năm 2022*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Hà**



	thí nghiệm													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												

**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Bắt buộc</b>			
1	Học phí năm học 2022 - 2023	đồng/tháng		Chờ hướng dẫn của các cấp.
2	BHYT	đồng/12 tháng	563.220	
<b>II</b>	<b>Dịch vụ</b>			
1	Gửi xe đạp	đồng/tháng	15.000	
3	Nước uống tinh khiết	đồng/năm	20. 000	
<b>III</b>	<b>Tự nguyện</b>			
	Quỹ hội	Tự nguyện	Tự nguyện	
	Tài trợ	Tự nguyện	Tự nguyện	
	<b>BHTT</b>	Đồng/năm	120.000 (tự nguyện)	
<b>IV</b>	<b>Ngân sách</b>			
	2021	Đồng/năm	7.458.392.000đ	

*Bảo Lộc, ngày 12 tháng 10 năm 2022*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Hà**